

Số: /TTr - BVHTTDL

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

**Về việc ban hành Nghị định quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke,
dịch vụ vũ trường**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện các quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan tiến hành xây dựng dự thảo Nghị định quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch kính trình Chính phủ với những nội dung cơ bản như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

Để tăng cường hiệu quả về công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa, ngày 06 tháng 11 năm 2009, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ban hành Quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng, trong đó có quy định về hoạt động karaoke, vũ trường. Sau khi Nghị định 103 có hiệu lực thi hành, việc thực hiện quy định về quản lý karaoke, vũ trường đã đạt được hiệu quả nhất định, khuyến khích tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân đầu tư, kinh doanh; hoạt động cấp phép đối với dịch vụ vũ trường, dịch vụ karaoke thực hiện nghiêm túc, thông thoáng, tạo điều kiện cho doanh nghiệp; các địa phương đã phê duyệt quy hoạch karaoke, vũ trường qua các giai đoạn từ 2016- 2020 và tầm nhìn đến 2030; công tác thanh tra, kiểm tra được thực hiện thường xuyên đảm bảo các tổ chức, cá nhân kinh doanh đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quản lý hoạt động karaoke, vũ trường.

Tuy nhiên, quá trình quản lý dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường đã bộc lộ một số hạn chế, bất cập, không đáp ứng được với tình hình phát triển kinh tế của đất nước hiện nay, cũng như chủ trương của Đảng và Chính phủ về cải cách hành chính, tạo điều kiện thông thoáng cho doanh nghiệp đầu tư, kinh doanh. Cụ thể là: Các quy định về điều kiện chưa rõ ràng, không còn phù hợp, gây khó khăn cho việc kinh doanh của doanh nghiệp và quản lý của cơ quan nhà nước; Hoạt động karaoke, vũ trường chưa có khái niệm pháp lý rõ ràng đã tạo nên hiện tượng biến tướng để lách luật như: biểu diễn nghệ thuật, hát, nhảy múa tại phòng thu âm, tại các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống như nhà hàng, quán bar ...; Trình tự, thủ tục, hồ sơ cấp giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường đã có cải cách nhưng vẫn còn thiếu quy định về việc cấp sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy phép; Công tác thanh tra, kiểm tra mặc dù được quan tâm, nhưng vẫn còn nhiều cơ sở sai phạm, kinh doanh không có giấy phép hoặc không đáp ứng đủ các điều kiện kinh doanh. Vì vậy, cần có sự điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung trong việc quản

lý hoạt động văn hóa này.

Bên cạnh đó, một số quy định về hoạt động karaoke, vũ trường tại Nghị định 103/2009/NĐ-CP được ban hành trên cơ sở Hiến pháp 1992, Luật Đầu tư năm 2005, Luật Doanh nghiệp năm 2005 nên không còn phù hợp với Hiến pháp 2013, Luật Đầu tư năm 2014, Luật Doanh nghiệp năm 2014 và nhiều văn bản luật có liên quan. Cụ thể như, tại Điều 33 Hiến pháp năm 2013 đã quy định quyền tự do kinh doanh là một trong những quyền cơ bản của công dân, và quy định này đã được thể hiện tại Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp năm 2014. Mặt khác, dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường là ngành nghề kinh doanh có điều kiện tại phụ lục 4 Luật Đầu tư năm 2014, nên cần thiết phải có một Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường.

Đồng thời do yêu cầu thực tiễn quản lý nhà nước, các hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng được quy định tại Nghị định 103/2009/NĐ-CP đã được tách ra để điều chỉnh tại các Nghị định riêng biệt như băng, đĩa ca nhạc, sân khấu; biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; triển lãm văn hóa, nghệ thuật; tổ chức lễ hội, quảng cáo...

Xuất phát từ những lý do nêu trên, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cho rằng việc ban hành Nghị định quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường là cần thiết, sự ra đời của Nghị định sẽ tạo cơ sở pháp lý cho công tác quản lý và kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường được thống nhất thực hiện theo các quy định của pháp luật; đồng thời khắc phục những hạn chế, tồn tại hiện nay.

II. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VIỆC XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

Việc xây dựng Nghị định được tiến hành theo các quan điểm chỉ đạo sau:

1. Thể chế hóa đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, cụ thể hóa quy định của Hiến pháp năm 2013 về xây dựng, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 16 tháng 6 năm 2008 của Bộ Chính trị về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ đổi mới về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.

2. Đảm bảo tính thống nhất, phù hợp với quy định của Hiến pháp năm 2013, Luật Quảng cáo năm 2012, Luật Doanh nghiệp năm 2018, Luật Đầu tư năm 2018 và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

4. Đáp ứng yêu cầu của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, góp phần tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường.

5. Đơn giản, minh bạch thủ tục hành chính; tạo hành lang pháp lý nhằm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong công tác quản lý nhà nước, giúp cho các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường được thuận lợi, hiệu quả.

6. Kế thừa, sửa đổi và bổ sung các nội dung quy định về quản lý dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường còn phù hợp trong Quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ để đáp ứng với yêu cầu thực tiễn quản lý kinh tế, văn hóa xã hội hiện nay.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Ngày 11 tháng 4 năm 2018, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã ban hành Quyết định số 1255/QĐ-BVHTTDL về việc thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập Nghị định quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, vũ trường.

2. Ban soạn thảo, Tổ biên tập với sự tham gia của nhiều Bộ, ngành có liên quan như: Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tập trung nghiên cứu, quy định chi tiết về quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng; nguyên tắc; điều kiện và thủ tục thông báo kinh doanh dịch vụ karaoke; điều kiện và thủ tục cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường; thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm; tổ chức thực hiện quản lý nhà nước về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường. Trên cơ sở đó xây dựng dự thảo Nghị định quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường.

3. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cũng đã tổ chức các cuộc hội thảo, tọa đàm thảo luận lấy ý kiến vào nội dung dự thảo Nghị định.

Ngày tháng .. năm 201..., Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã đăng tải toàn văn Dự thảo Nghị định lên trang thông tin điện tử của Chính phủ, của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để lấy ý kiến các tổ chức, cá nhân theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Ngày tháng ... năm 201..., Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã gửi công văn số/BVHTTDL-VHCS xin ý kiến của các Bộ, cơ quan ngang Bộ về dự thảo Nghị định.

Ngày.....thángnăm 2017, Hội đồng thẩm định Bộ Tư pháp đã tổ chức họp thẩm định dự thảo Nghị định.

Trên cơ sở ý kiến của Hội đồng thẩm định, Bộ Tư pháp tại công văn số..... ngày; ý kiến của các bộ, địa phương; ý kiến của các tổ chức, cá nhân có liên quan, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện Dự thảo Nghị định trình Chính phủ.

IV. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Dự thảo Nghị định gồm 04 Chương, 26 Điều, quy định về: phạm vi điều chỉnh; đối tượng áp dụng; nguyên tắc; điều kiện, trách nhiệm và thủ tục thông báo kinh doanh dịch vụ karaoke; điều kiện, trách nhiệm và thủ tục cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường; thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm; trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các bộ, ngành khác; trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Nội dung cơ bản dự thảo Nghị định như sau:

Chương I: Quy định chung, quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, giải thích từ ngữ và các nguyên tắc trong kinh doanh dịch vụ karaoke, vũ trường.

Chương II: Kinh doanh dịch vụ karaoke, quy định về điều kiện, trách nhiệm tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ karaoke và quy trình thông báo kinh doanh dịch vụ karaoke. Trong đó đã cắt giảm ... điều kiện và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ karaoke so với quy định tại Quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng ban hành kèm theo Nghị

định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ. Cắt giảm thủ tục xin cấp giấy phép kinh doanh karaoke, thay thế bằng thủ tục thông báo kinh doanh dịch vụ karaoke và tăng cường quản lý nhà nước bằng phương pháp hậu kiểm.

Chương III: Kinh doanh dịch vụ vũ trường, quy định về điều kiện, trách nhiệm tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ vũ trường và quy trình cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường. Trong đó đã cắt giảm ... điều kiện và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ vũ trường so với quy định tại Quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ. Thủ tục cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường đã được hoàn thiện, đảm bảo minh bạch, xác định rõ trách nhiệm của từng cá nhân và tổ chức thực hiện.

Chương IV: Tổ chức thực hiện, quy định về thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm, trách nhiệm của các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, điều khoản chuyển tiếp và hiệu lực thi hành của Nghị định. Trong đó, quy định về thành lập các đội kiểm tra liên ngành các cấp, thành viên gồm các ngành có liên quan tham gia với chế độ kiêm nhiệm, để thống nhất kiểm tra các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường.

V. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CÓ Ý KIẾN KHÁC

Trong quá trình soạn thảo dự thảo Nghị định, về cơ bản các ý kiến đều nhất trí với sự cần thiết ban hành và những nội dung của dự thảo Nghị định. Tuy nhiên, đến nay có ... vấn đề có nhiều ý kiến khác, cụ thể như sau:

...

Trên đây là những nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

BỘ TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (*để báo cáo*);
- Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam (*để báo cáo*);
- Văn phòng Chính phủ (*để phối hợp*);
- Bộ Tư pháp;
- Bộ trưởng;
- Thứ trưởng Trịnh Thị Thủy;
- Lưu: VT, VHCS, NDK (20b).

Nguyễn Ngọc Thiện